TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 22-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư.

Ông Hoàng Văn Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà La Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nông Văn L (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1992 tại xã T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T (đã chết) và bà Đàm Thị V, sinh năm 1965; vợ: Đàm Thị B, sinh năm 2000 (đã ly hôn); con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Ngày 02/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

- Ngày 01/4/2012, bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị áp dung biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 12/9/2025 đến nay); có mặt.

- Bị hại: Đàm Thị B, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Đàm Thị V, sinh năm 1965. Trú tại: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/01/2025, Đàm Thị B, sinh ngày 05/7/2000, trú tại xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng nộp đơn xin ly hôn với Nông Văn L, sinh năm 1992, trú tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng đến Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng). Quá trình giải quyết vụ án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm của tội "Giao cấu với trẻ em" nên đã kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được vào khoảng tháng 6 năm 2015, Nông Văn L và Đàm Thị B nhắn tin tìm hiểu và yêu đương nhau. Đến ngày 20/11/2015, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục (lúc này L 23 tuổi, B được 15 tuổi 04 tháng 15 ngày). Sau lễ cưới cả hai sống chung tại nhà riêng của gia đình L ở xóm V. Đến cuối tháng 11 năm 2015, tại buồng ngủ của hai người, L đã quan hệ tình dục (giao cấu) với B 01 lần. Khi quan hệ hai bên hoàn toàn tự nguyện và không sử dụng biện pháp tránh thai nào. Sau lần đó L đi làm xa không ở nhà. Đến khoảng tháng 12 năm 2015, B phát hiện mang thai. Ngày 03/9/2016, B sinh đôi 02 con gái tên Nông Thanh N và Nông Thanh N1 (thời điểm này B được 16 tuổi 01 tháng 29 ngày). Quá trình chung sống đến năm 2025, B nộp đơn xin ly hôn thì sự việc mới bị các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện.

Tại kết luận giám định số 5252/KL-KTHS ngày 01/8/2025 của V1 - Bộ C kết luận Nông Thanh N, Nông Thanh N1 đều là con đẻ của Nông Văn L và Đàm Thị B.

Lời khai của Nông Văn L phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của Nông Văn L đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Giao cấu với cấu với trẻ em theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự 1999.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSKV3 ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố Nông Văn L về tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nông Văn L thừa nhận nội dung bản cáo trạng phản ánh đúng hành vi bị cáo thực hiện và khai nhận: Bị cáo với Đàm Thị B nảy sinh quan hệ yêu đương, sau đó cưới nhau, bị cáo chỉ nghĩ đơn giản là hai vợ chồng nên mới phát sinh quan hệ tình dục. Do nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, không biết đó là vi phạm pháp luật.

Bị hại Đàm Thị B vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai nhận: L với B có quan hệ yêu đương, sau đó hai bên tổ chức lễ cưới, B chuyển về sống chung với L tại xóm V. Việc L với B quan hệ tình dục khi B chưa đến 16 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. L đã bồi thường cho B, B không yêu cầu L bồi thường gì thêm. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho L.

Người làm chứng Đàm Thị V khai: Tháng 11/2015, L với B lấy nhau, sau đó B về chung sống với gia đình tôi tại xóm V. Khoảng tháng 12/2015 B mang thai, sau đó L đi làm. Hiện tại L và B đã ly hôn, các con của L hiện đang sống với tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nông Văn L phạm tội Giao cấu với trẻ em. Tuy nhiên do hành vi phạm tội đã xảy ra từ lâu, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội không còn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 59 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025 miễn hình phạt cho bị cáo Nông Văn L.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, miễn hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo Nông Văn L tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp nhau; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định về huyết thống của các cháu Nông Thanh N, Nông Thanh N1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng, có đủ căn cứ kết luận: Qua thời gian tìm hiểu, ngày 20/11/2015, Nông Văn L và Đàm Thị B được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục (lúc này L 23 tuổi, B được 15 tuổi 04 tháng 15 ngày). Sau khi cưới xong, vào khoảng cuối tháng 11 năm 2015 tại buồng ngủ của hai người tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng, L và B có hành quan hệ tình dục (giao cấu) với nhau 01 lần, lúc này B chưa đủ 16 tuổi,

sau lần quan hệ này đến khoảng tháng 12/2015 B phát hiện mình có thai. Đến ngày 03/9/2016, Đàm Thị B sinh đôi 02 con gái Nông Thanh N và Nông Thanh N1. Kết luận giám định xác định cháu Nông Thanh N, Nông Thanh Nhà là con của Nông Văn L và Đàm Thị B.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến dánh dự, nhân phẩm của bị hại Đàm Thị B. Hành vi của Nông Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội Giao cấu với trẻ em quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự 1999. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu.

+ Ngày 02/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 01/4/2012, bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025.

[4]. Về hình phạt:

Mặc dù đến thời điểm bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội không còn; trên thực tế sau đó L và B đã đi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau, cùng nhau nuôi dậy con cái. Tuy nhiên, trong thời gian bị cáo bị khởi tố, điều tra về hành vi Giao cấu với trẻ em bị cáo lại có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng áp dụng Điều 59 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025 miễn hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đàm Thị B đã được bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nông Văn L phạm tội: Giao cấu với trẻ em.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025, xử phạt bị cáo Nông Văn L 01 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Nông Văn L có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Đàm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQ CSĐTCA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3 - Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 3- Cao Bằng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Quang Toàn